

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2022

V/v: “Ly hôn giữa chị L và anh D”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Mậu.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.

Bị đơn: Anh Ngô Xuân D, sinh năm 1985.

Đều có nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị L và anh D đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Ngô Xuân D tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29-01-2016.

Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng cùng nhau đi làm ăn tại thành phố Hà Nội. Cứ đến cuối tuần và những ngày nghỉ lễ vợ chồng về nhà ở xã T để sinh sống cùng bố mẹ chồng.

Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do: Chị L và anh D kết hôn với nhau từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016 chị sinh con, tại thời điểm chị sinh con được 01 tháng 13 ngày, chị đang ở cữ tại nhà bố mẹ đẻ ở Thôn D, xã T; khi đó sức khỏe và tinh thần vẫn chưa được hồi phục sau sinh mà anh D ở thành phố Hà Nội làm đơn ly hôn gửi về quê để bỏ mẹ con chị. Nhưng vì con còn quá nhỏ nên chị có ý nín kéo để tiếp tục cuộc sống hôn nhân cho con có đủ cả bố lẫn mẹ. Khi con được 4 tháng tuổi thì hai mẹ con chị lên Hà Nội để chị đi làm, mẹ chồng lên chăm con chung để vợ chồng đi làm. Đến khi con được 15 tháng thì con đi học lớp mầm non tư thục, anh D muốn cai sữa cho con rồi gửi con về quê cho bố mẹ chồng trông nom, nhưng chị không đồng ý và chị vẫn quyết định cho con học trên thành phố Hà Nội. Từ đó do chị không theo sự sắp đặt của anh D nên cả quãng thời gian con chị học và sinh hoạt ở Hà Nội anh D đều không quan tâm, không chăm sóc không đưa đón con mặc dù cả năm 2018 anh D thất nghiệp, không đi làm, ở nhà nhưng không lo cho con, anh D bỏ mặc chị tự đi làm, tự đưa đón, tắm rửa, mua sắm lo toan sinh hoạt cuộc sống cho con. Trước mặt mẹ con, anh D trải đệm ngủ riêng trong cùng một phòng. Đến tháng 11 năm 2018 anh D tiếp tục làm đơn ly hôn và nộp lên tòa án, nhưng do sự ngăn cấm của bố mẹ bên nội nên vợ chồng chị lại tiếp tục cuộc sống hôn nhân này.

Đến năm 2019, 2020 anh D đi làm, nhưng làm được mấy tháng lại nghỉ nên kinh tế khó khăn và con cũng lớn nên chị đồng ý để gửi con về quê nhờ bố mẹ chồng chăm sóc. Cứ hai tuần chị về thăm con và gửi tiền cho bố mẹ chồng lo sinh hoạt cho con, nhưng do bố mẹ chồng có lương hưu và do anh D không đi làm nên ông bà nhiều lúc từ chối không nhận.

Đến năm 2021 anh D về quê ở hẳn với bố mẹ đẻ và không đi làm cả năm. Một mình chị đi làm lo toan cuộc sống nhưng vẫn hai tuần về thăm con 1 lần và đưa tiền cho anh D nộp học, mua sữa chăm lo cho con. Quần áo hay đồ chơi của con thì chị mua và sắm sửa mang về. Năm 2021 là năm dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, một mình chị đi làm lo cơm áo, gạo tiền cho cả gia đình, mà công việc lại ở xa nên đi lại thăm nom con rất khó khăn và hạn chế nên chị không thể lo chu toàn được kinh tế, tình cảm trong thời gian này. Còn anh D thì không ý kiến gì cũng không giúp đỡ được gì cho chị.

Năm 2022, sau khi ăn tết xong anh D lên Hà Nội đi làm, chị muốn đón con lên Hà Nội, nhưng anh D không đồng ý mà còn có ý chia rẽ bắt chị về quê, mặc dù anh D đi làm nhưng chị vẫn một mình lo toan tiền nhà cửa ăn uống sinh hoạt trên Hà Nội và lo cho con ở nhà.

Suốt thời gian vợ chồng chung sống với nhau, mặc dù cùng ở nhà trọ, ăn cơm cùng mâm, nhưng tình cảm của anh D và chị cũng không dành cho nhau.

Chị nhận thấy, vợ chồng có tính cách không hợp, luôn luôn bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng không thường xuyên cãi, chửi nhau nhưng tình cảm

vợ chồng ngày càng phai nhạt, ít giao tiếp với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, nhưng đều không hóa giải được và gia đình không có khả năng đoàn tụ. Chị L xác định không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với anh D. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Ngô Nhật D, sinh ngày 07-11-2016. Hiện cháu D đang ở cùng với ông bà nội, cuối tuần vợ chồng cùng về ở với con.

Kể từ khi nghe lời anh D đưa con về nhờ ông bà nội chăm sóc, anh D cũng ở nhà với con nhưng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đều hoàn toàn do ông bà nội của cháu đảm nhiệm, anh D không hề có sự quan tâm, gần gũi, không yêu thương con mà luôn áp đặt con và thoái thác hết trách nhiệm chăm con cho ông bà nội. Mặt khác, ông bà nội của cháu đều đã tuổi cao, sức khỏe yếu không thể cứ mãi chăm con thay anh D được. Anh D là bố của cháu D nhưng việc chăm sóc con sẽ không chu đáo bằng người mẹ là chị.

Chị rất yêu thương con và luôn hướng đến con, luôn mong muốn được gần gũi, quan tâm lo lắng chăm sóc cho con. Chị tha thiết mong muốn được trực tiếp nuôi con chung để được chăm sóc con đồng hành cùng con trưởng thành mỗi ngày. Với chị thì con luôn luôn là sự ưu tiên lớn nhất trong suy nghĩ cũng như mọi hoàn cảnh trên con đường tương lai phía trước. Tâm nguyện của chị cho dù thế nào thì chị và bố cháu cũng như gia đình nội ngoại sẽ là những đối tác để con luôn nhận được tình yêu thương của tất cả mọi người.

Chị tự nhận thấy bản thân có đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế, tư cách đạo đức, trình độ học vấn để có thể trực tiếp nuôi dưỡng con. Ngoài ra chị sẽ cố gắng tạo cho con một môi trường sống xung quanh hòa đồng thân thiện để cháu D có thể phát triển tư duy, cách sống và sự hòa nhập cộng đồng với nguồn năng lượng tích cực nhất. Bản thân chị cũng đã có những dự định kế hoạch chu toàn cho việc ăn ở sinh hoạt, học hành đưa đón con. Thời điểm hiện tại chị cũng đã có khoản tiết kiệm để lo cho con và một công việc ổn định với mức thu nhập ổn định để lo cho cuộc sống tương lai hai mẹ con trên đoạn đường sắp tới. Chị đã mua gói bảo hiểm đứng tên cháu D từ năm 2018. Chị cam đoan gói bảo hiểm này đều là tiền của chị tự làm ra, tự kiếm được để đóng góp cho con, anh D chắc chắn không biết gói bảo hiểm này mà chị mua cho con trị giá bao nhiêu tiền. Ngoài ra, chị còn có sự hỗ trợ giúp đỡ đến từ anh chị em ruột, gia đình bên ngoại của cháu D, vì vậy chị tự tin mình có thể chăm lo chu toàn cho con.

Hiện nay, chị đang làm nhân viên kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thương mại Đông Y dược H; địa chỉ 42A, H, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, với mức thu nhập 3 tháng liên tiếp là tháng 3, tháng 4, tháng 5 năm 2022 mỗi tháng hơn 14.000.000đ/tháng.

Do đó, ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải, anh Ngô Xuân D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, vào ngày 29-01-2016. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó chung sống với nhau tại Thôn D, xã T, huyện V. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng có tính cách không hợp, luôn luôn bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không thường xuyên cãi, chửi nhau, nhưng chị L rất ngang bướng mà luôn làm theo ý của mình, nhiều việc chị L cố tình làm mà không nghe lời anh, nên làm vấn đề xảy ra càng nghiêm trọng hơn. Vợ chồng hiện nay vẫn cùng nhau ở nhà trọ tại thành phố Hà Nội và cùng nhau đi làm nhưng cứ đến cuối tuần và vào những ngày nghỉ, ngày lễ tết thì vợ chồng vẫn về quê sinh sống cùng với bố mẹ anh ở xã T, huyện V. Vợ chồng chưa sống ly thân với nhau, anh chị vẫn ở cùng nhà trọ, ăn cơm cùng mâm nhưng ít giao tiếp với nhau hơn, nhưng vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2018 đến nay.

Vợ chồng đã có ý định ly hôn với nhau và đã đến Tòa án nộp đơn ly hôn nhưng anh chị đã nói chuyện và hòa giải được với nhau nên đã thống nhất không nộp đơn ly hôn mà về đoàn tụ gia đình, nhưng sau đó vợ chồng chung sống với nhau lại không hòa hợp.

Anh D xác định anh vẫn còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với chị L, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V xem xét giải quyết cho chị L ly hôn với anh, anh đồng ý. Anh đề nghị Tòa án sớm xem xét, giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, để anh sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Nhật D, sinh ngày 07-11-2016. Hiện nay cháu D đang ở cùng ông bà nội của cháu tại Thôn D, xã T, cứ cuối tuần và vào những ngày nghỉ lễ, anh và chị L đều về ở cùng với con. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định pháp luật.

Lý do anh D muốn nuôi con: Anh có điều kiện về nhà cửa, đất đai và vật chất ở quê để cho con có thể phát triển tốt nhất mà không phải đưa con đi Hà Nội để giam con vào 4 bức tường. Khi cháu D và chị L sống cùng nhau ở trên Hà Nội được khoảng 1 năm thì mẹ con chỉ có cho nhau ăn rồi lại ngồi xem điện thoại, cháu D gần 3 tuổi mà không biết nói, chỉ ú ớ được vài từ. khoảng tháng 6 năm

2019, anh D đưa cháu về quê sống cùng ông bà nội của cháu thì đến nay được sự quan tâm của ông bà nội, anh em bên nội mà cháu đã phát triển tốt hơn, nói tốt hơn và thể trạng của con ngày càng tốt hơn. Mặc dù anh D tự nhận thấy con của anh D chậm phát triển hơn các bạn cùng trang lứa, nhưng anh không muốn thay đổi môi trường sống của con vì hiện nay cháu vẫn đang sống tốt nên không có lý do gì mà phải tách cháu ra khỏi anh và ông bà nội của cháu. Chị L không có đủ tư cách làm mẹ vì chị L chỉ sinh con ra, chăm sóc cháu khoảng 3 năm đầu còn khoảng thời gian anh D đưa con về nhà ông bà nội chăm sóc thì chị L không quan tâm cũng như không có trách nhiệm gì với con, từ việc mua sữa, bỉm cũng như quần áo đều do anh D và ông bà nội lo cho cháu. Thời điểm anh không có việc làm do dịch bệnh, chị L vẫn có công việc ổn định, nhưng chị L không hỗ trợ anh cùng ông bà để chăm sóc con, thỉnh thoảng chị L có đưa tiền cho anh để anh chi tiêu sinh hoạt. Có 1 lần dài nhất là trong 6 tháng mà chị L chỉ đưa cho anh có 1 triệu đồng để lo cho con. Mà thời điểm anh có công việc thì toàn bộ tiền lương anh đều đưa cho chị L.

Ngoài ra, phía bên gia đình nhà đẻ của chị L không quan tâm gì đến cháu ngoại. Vì vậy, một mình chị L trực tiếp nuôi con anh không an tâm. Trong thời gian anh ở nhà, anh cũng đã yêu cầu chị L chuyển về quê làm việc để tiện việc chăm sóc con nhưng chị L không đồng ý. Đặc biệt, thời điểm này, cháu D đang chuẩn bị vào học lớp 1 nên rất cần được sự quan tâm hơn, ít nhất là nửa năm đầu đi học để cháu được vào khuôn khổ nhưng chị L nhất quyết không đồng ý về quê. Cũng chính vì vậy mà chị L đã nộp đơn ly hôn với anh D.

Vì những lý do này, anh kiên quyết không đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Bản thân anh có tư cách đạo đức tốt, nền tảng giáo dục cơ bản, anh em trong gia đình anh đều là người có học thức.

Cháu D là đứa con đầu tiên của anh cũng là duy nhất đến thời điểm này, để chịu đựng cuộc sống hôn nhân như thế này đều cũng là vì con, nên không có lý do gì mà anh lại đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Năm 2018 anh thất nghiệp mấy tháng là đúng nhưng anh chỉ ngừng công việc trong vòng 3 tháng. Năm 2019, 2020, anh vẫn đi làm bình thường mà do công việc không ổn định nên anh lúc đi làm lúc nghỉ. Ngoài ra, tùy theo điều kiện, anh sẵn sàng bỏ việc ở trên Hà Nội để về nhà trực tiếp nuôi con. Hiện nay anh đang làm trưởng phòng dự án của Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại N, địa chỉ: Tổ 10, thôn M, phường K, quận Hà Đông, thành Phố Hà Nội với mức thu nhập của 3 tháng liên tiếp 3,4,5/2022 đều từ 22.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và anh D không yêu cầu xem xét giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ: Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho chị L và anh D. Nếu trong trường hợp

chị L và anh D đều có đủ điều kiện để nuôi con thì nên giao con chung cho chị L là mẹ đẻ của cháu để đảm bảo cho con chung phát triển tốt nhất.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị L nộp thêm các tài liệu chứng cứ và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Xin ly hôn với anh Ngô Xuân D, xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 2.000.000đ/tháng.

Anh Ngô Xuân D nộp thêm các tài liệu chứng cứ và đồng ý ly hôn với chị L, xin được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; nếu như không được trực tiếp nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị L, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Nhật D, sinh ngày 07-11-2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh D phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Xuân D đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; ngoài ra, chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D cùng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện V, thụ lý giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau nhiều năm nay.

Xét điều kiện, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị L và anh D đều xác định vợ, chồng không còn khả năng đoàn tụ; như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ chồng đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử thuận tình ly hôn giữa chị L và anh D là phù hợp và cần thiết.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu Ngô Nhật D, sinh ngày 07-11-2016. Hiện nay cháu D đang sống tại Thôn D, xã T cùng với ông bà nội của cháu và cứ cuối tuần, ngày nghỉ lễ tết chị L, anh D về ở cùng con.

Xét về những tài liệu, chứng cứ mà chị L và anh D đã giao nộp về công việc, mức thu nhập... thì chị L và anh D đều có sức khỏe, có công việc thu nhập ổn định. Anh, chị đều yêu thương con và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Xét thời điểm năm 2019, 2020, anh D có công việc nhưng thu nhập không ổn định; chị L đi làm để kiếm tiền nuôi con. Bản thân chị L là phụ nữ, là người mẹ nên việc quan tâm, chăm sóc giáo dục tâm sinh lý cho con trẻ đặc biệt là trẻ đang độ tuổi lớn như cháu D thì sẽ tốt hơn. Ngoài tình yêu thương mà chị L đã thể hiện bằng việc tha thiết muốn được trực tiếp nuôi con thì chị L đã có những chuẩn bị cho tương lai của con, cụ thể: Chị L đã mua cho con gói bảo hiểm nhân thọ Manulife từ ngày 04-4-2018, từ khi cháu còn rất nhỏ để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con. Ngoài ra, ông bà ngoại của cháu D (bố mẹ đẻ của chị L) cũng có đơn trình bày thể hiện quan điểm hỗ trợ chị L cả về vật chất lẫn tinh thần để chị L có điều kiện tốt nhất để nuôi con.

Còn theo anh D trình bày "... Anh có điều kiện về nhà cửa, đất đai và vật chất ở quê ...", nhưng anh không cung cấp được chứng cứ về điều kiện này. Vì vậy không được xem xét.

Xét các chứng cứ và phân tích như trên, nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc con của chị L được chấp nhận. Căn cứ các Điều 69, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Ngô Nhật D cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo quyền lợi cho con, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp và thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người cha đối với con. Vì vậy căn cứ Điều 107; Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; xét trên điều kiện thu nhập hiện nay của anh D đã cung cấp và tại phiên tòa anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng khi không được nuôi con. Vì vậy anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L số tiền 2.000.000đ/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L, anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều 107; Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D.

2. Con chung: Giao cháu Ngô Nhật D, sinh ngày 07-11-2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Xuân D phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng), kể từ tháng 7-2022 cho đến khi cháu D thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Ngô Xuân D có trách nhiệm giao cháu Ngô Nhật D cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Ngô Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001471 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Xuân D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM TRƯỜNG NAM